

-CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
STONE VIETNAM

-----***-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
NĂM 2009

HÀ NỘI - 2010

MỤC LỤC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	8
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	14
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	14
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	16
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	22

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty CP Chế tác đá Việt nam được thành lập theo biên bản thoả thuận góp vốn thành lập công ty ngày 22/01/2007, bao gồm các cổ đông sáng lập là Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Công ty CP Phát triển Thương Mại Việt Nam và Ông Phạm Trí Dũng, vốn điều lệ ban đầu là : **20 tỷ đồng**

Sau khi có sự thoả thuận góp vốn của các cổ đông sáng lập về việc chuyển nhượng cổ phần của Ông Phạm Trí Dũng là cổ đông sáng lập cho Ông Phạm Minh Hùng, và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 của Công ty ngày 26/06/2008 thông qua, Ông Phạm Minh Hùng trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Công ty CP Phát triển Thương Mại Việt Nam xin rút không là cổ đông sáng lập của Công ty do không góp đủ phần vốn như đã thoả thuận.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 và 2009 đã phê duyệt phương án phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược theo phương thức chào bán riêng lẻ, từ 20 tỷ đồng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng năm 2008 và 40 tỷ đồng năm 2009.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 05/03/2010 (là ngày chốt danh sách để đăng ký lưu ký chứng khoán theo quy định tại công văn số : 1044 /UBCK-QLPH ngày 04/06/2009 của UBCKNN):

- | | |
|--|---------------------------------------|
| - Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | : 2.040.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 51% |
| - Ông Phạm Minh Hùng | : 200.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5 % |
| - Ông Phạm Trí Dũng | : 8.100 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,2% |
| - Các cổ đông khác | : 1.751.900 cổ phần chiếm tỷ lệ 43,8% |

Với hơn một trăm nhà đầu tư sở hữu, Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng cho Ủy Ban chứng khoán theo quy định, và trở thành Công ty đại chúng hoạt động theo Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp.

Giới thiệu về Công ty :

- Tên công ty : Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch: Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : STONE VIETNAM
- Trụ sở chính : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại : 04 – 33601860
- Fax : 04 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.vn
- Website : www.stonevietnam.vn
- Vốn điều lệ : **40.000.000.000 đồng**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500555916 (Chuyển từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007) và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 12/01/2010

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng
- Sản xuất, mua bán sơn, khoá, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thuỷ tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại; Sản xuất mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ và đồ gỗ (trừ loại gỗ nhà nước cấm)
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y)
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công ,mỹ nghệ
- Mua bán vật tư, máy , móc thiết bị ngành cơ khí xây dựng; Mua bán vật tư máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da.
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí : cầu lông, bóng bàn, bia, tennis (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Chuyển giao công nghệ
- Khai thác chế biến các loại khoáng sản
- Dịch vụ vận tải hàng hoá
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản

3. Tình hình hoạt động

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009, Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam có một số thuận lợi cơ bản nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, làm ảnh hưởng đến tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Hội đồng quản trị đã giao.

Năm 2009 là năm thứ hai kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, về cơ sở vật chất đã được đầu tư tương đối đầy đủ, bộ máy quản lý đã được cơ cấu lại cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại, đội ngũ kỹ sư, cử nhân được đào tạo và đào tạo nâng cao, tuyển dụng, trình độ tay nghề của công nhân ngày một thành thạo, nâng cao năng suất chất lượng và cải tiến kỹ thuật

Ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, và năm 2009 vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại với những cơn “địa chấn” sa thải công nhân, cắt giảm nhân công liên tiếp, bức tranh ảm đạm về kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế Việt Nam. Với tình hình kinh tế khó khăn chung, sản phẩm của công ty là các sản phẩm chế tác đá trang trí nội thất, phục vụ cho các công trình xây dựng vào giai đoạn hoàn thiện, nhưng trong năm 2009 thị trường bất động sản thế giới gần như đóng băng. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009, về tổng doanh thu đạt 9,912 tỷ đồng, đạt 63.8 % so với kế hoạch.

Tuy vậy, Doanh thu từ thị trường trong nước vượt chỉ tiêu kế hoạch đạt 4,132 tỷ đồng, vượt mức dự kiến ban đầu đề ra, thực hiện so với kế hoạch đạt 266,09%. Do thị trường khách lẻ mang tính chất hộ gia đình, dự án nhỏ và vừa phát triển mạnh.

Công ty hiện đã triển khai lắp đặt phòng mẫu tại một số dự án như City Garden tại Thành phố Hồ Chí Minh, Indochina Palaza tại Thành phố Hà Nội, cung cấp đá lát sàn, mặt bàn quầy bar, lavabo, mặt bàn bếp tại các công trình như : Khách sạn Hoàn Kiếm, Siêu thị Đệ Nhất Phan Khang, Đại sứ quán Singapore...Xây dựng hệ thống đại lý tại Hà Nội, và chuẩn bị triển khai tại một số thành phố lớn trong cả nước đẩy mạnh bán hàng trong nước.

4.Định hướng phát triển

- Củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý Công ty đảm bảo cho Công ty hoạt động tốt và hiệu quả.
- Sử dụng vốn hiệu quả, kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và người lao động.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, quảng bá sản phẩm để thâm nhập thị trường trong nước ở phân khúc trong và cao cấp, phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm chế tác

gắn liền với lĩnh vực trang trí nội thất và hàng gia dụng liên quan thông qua các đại lý cung cấp nội thất và hàng gia dụng.

- Tăng cường khảo sát và tiếp cận với các dự án bất động sản để giới thiệu và cung cấp cho các dự án này, tiến tới mục tiêu chế tác 20% công suất của Công ty Vicosotne và Style Stone.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả trong năm

- Năm 2009 cũng là năm đánh dấu sự thay đổi và củng cố, sắp xếp lại nhân sự bằng việc bổ nhiệm các Phó Giám đốc, bổ sung những cán bộ mới trẻ hơn vào các vị trí quản lý chủ chốt, ổn định về nhân sự, kiện toàn bộ máy quản lý giúp cho Công ty hoạt động tốt và hiệu quả hơn.

- Chỉ đạo thực hiện thành công Đại hội đồng cổ đông 2009, hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng theo kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán dự án “Xây dựng nhà máy chế tác đá trang trí nội thất”

2. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2009

Trước những khó khăn chung do suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2009, đòi hỏi Công ty phải tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh, nhằm tháo gỡ những khó khăn, ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho Doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

(Đvt: : Triệu đồng)

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2009	Thực hiện Năm 2009	Tỷ lệ (%)
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100
2	Doanh thu	15.536	9.912	63,8
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000	-	-
3	Lợi nhuận sau thuế	750	(19,927)	-
4	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Tổng doanh thu năm 2009 đạt 9,912 tỷ đồng đạt 63,8% so với kế hoạch đặt ra, bao gồm Doanh thu bán hàng 9,746 tỷ đồng và doanh thu khác là 165,37 triệu đồng

Trong đó:

- *Doanh thu từ bán hàng trong nước đạt 4,132 tỷ đồng chiếm 41,69% tổng doanh thu*
- *Doanh thu từ gia công xuất khẩu gián tiếp qua Công ty mẹ là 5,614 tỷ đồng chiếm 56,64% tổng doanh thu*
- *Doanh thu khác là 165,37 triệu đồng chiếm 1,67% tổng doanh thu*

Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2009, Công ty chưa đạt được kế hoạch đề ra do ảnh hưởng bởi cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Nguyên nhân khách quan là do tình hình bất ổn của nền kinh tế thế giới, tiếp nữa là sản phẩm của Công ty mới có mặt trên thị trường là năm thứ hai.

Nguyên nhân chủ quan như công tác phát triển thị trường chưa tốt, chưa quảng bá được hình ảnh của sản phẩm trên thị trường; Công tác phát triển các đại lý chưa đạt hiệu quả cao. Chỉ một số Đại lý mang lại hiệu quả còn lại thì hầu như chỉ mang tính chất quảng cáo các sản phẩm của Công ty mà chưa thu được hiệu quả kinh doanh. Mặt khác, sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty Vicostone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước. Công tác thâm nhập vào thị trường là các dự án xây dựng chung cư, toà nhà cao tầng,... còn hạn chế.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Cùng với những cố gắng và nỗ lực của Ban lãnh đạo, toàn thể CBCNV trong Công ty, thị trường tiêu thụ sản phẩm tăng mạnh về các tháng cuối năm, sản phẩm của Công ty đã và đang được người tiêu dùng biết đến, các dự án lớn quan tâm và lựa chọn cả thị trường trong và ngoài nước. Một số dự án có thể kể đến :

STT	Dự án	Thị trường	Số tiền (USD)	Ghi chú
1	Chamvit - Hà Nội	Hà Nội	107.001	
2	Eaton	Canada	1.020.000	
3	Advan	Nhật Bản	25.525	
4	Eurolatin Hospitalify	Panama	62.800	

5	Costizacion de sobres	Panama	96.017	
6	Shower - Peter Pan	Mỹ	1.070.272	
7	Fira - Barcelona	Tây Ban Nha	589.047	
	Tổng		2.970.662	

4. Định hướng phát triển

Trước triển vọng về khả năng phục hồi kinh tế toàn cầu trong năm 2010, Việt Nam được đánh giá là nằm trong nhóm các nước đang phát triển có tốc độ phục hồi và tăng trưởng nhanh. Đây là một triển vọng để phát triển sản phẩm của Công ty ra thị trường quốc tế, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đạt và vượt mức đề ra. Một số chỉ tiêu định hướng phát triển trong năm 2010 và các năm tiếp theo:

- Tạo thị trường ổn định cho sản phẩm đầu ra
- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và quyền lợi của người lao động.
- Chế tác 20% công suất sản xuất của các Công ty Vicostone và Style Stone
- Phát triển mở rộng lĩnh vực trang trí nội thất để tiến tới cung cấp sản phẩm đồng bộ bao gồm cả đồ trang trí nội thất khác, đồng bộ với sản phẩm đá chế tác
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát kỹ thuật chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, hướng tới tổ chức sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và HTQLMT ISO 14000:2001, đảm bảo cho Doanh nghiệp phát triển và môi trường bền vững
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại.
- Thực hiện khoán sản phẩm sản xuất, kích thích tăng năng suất lao động
- Chăm lo đời sống cho CBCNV về cả vật chất lẫn tinh thần, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2010 và các năm tiếp theo

Các chỉ tiêu	Đvt	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	Tr. đồng	30.800	45.000	55.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	9.045	16.000	19.500
Tỷ lệ cổ tức	%	15	15	15

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh năm 2009 và kế hoạch năm 2010

Năm 2009 là năm thứ hai Công ty thực sự đi vào hoạt động. Sản xuất kinh doanh phải đối mặt với rất nhiều khó khăn như sản phẩm của Công ty đang trong giai đoạn thâm nhập vào thị trường, chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến, thị trường nước ngoài bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Doanh thu thực hiện là: **9,912 tỷ đồng** đạt 63,8% so với kế hoạch đặt ra. Trong đó, Doanh thu trong nước là : **4,132 tỷ đồng** đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch 266,09%, Doanh thu xuất khẩu gián tiếp thông qua Công ty mẹ là : **5,614 tỷ đồng**, chỉ đạt 40,15% so với kế hoạch đặt ra làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh chung.

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2009
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2009	TH Năm 2009	Kế hoạch 2010	%TH/KH năm 2009 (%)	%Tăng trưởng KH 2010/ TH Năm 2009
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	15.536	9.911,82	30.800	63,80	208,88
1	Doanh thu bán hàng trong nước	Tr.đồng	1.553	4.132,43	19.500	266,09	371,88
2	Doanh thu xuất khẩu (gián tiếp)	Tr.đồng	13.983	5.614,03	10.500	40,15	87,03
3	Doanh thu khác	Tr.đồng	-	165,37	800	-	383,77
II	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.000	-	9.045	-	-
III	Tài sản cố định	Tr.đồng	28.045	31.626,24	33.434	112,77	5,72
1	Nguyên giá	Tr.đồng	33.659	35.290,59	40.791	104,85	15,58
2	Mức khấu hao lũy kế	Tr.đồng	5.614	3.664,35	7.356	65,27	100,75
IV	Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	750	204,28	2.233	27,24	993,08
V	Tổng chi phí	Tr.đồng	14.536	9.911,82	21.755	68,19	119,48
VI	Tỷ suất cổ tức	%	0%	0%	15%	-	
VII	Đầu tư	Tr.đồng	17.200	17.222	5.500	100,13	(68,06)
1	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	10.450	16.226	4.500	155,28	(72,27)
2	Đầu tư TB	Tr.đồng	6.750	996	1.000	14,76	0,40
VIII	Lao động & Tiền lương					-	
1	Số lượng lao động BQ	Người	70	59,00	80	84,29	35,59
2	Thu nhập bình quân /tháng	N.đồng	3.200	3.065	4.000	95,78	30,51

Kết quả sản xuất kinh doanh trên cho thấy sự ảnh hưởng rất lớn của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài của Công ty. Sản phẩm của Công ty là các sản phẩm trí nội thất chế tác đến giai đoạn cuối cùng phục vụ cho các dự án như nhà chung cư cao cấp, các toà nhà cao tầng,

Tuy nhiên, năm 2009 thị trường bất động sản toàn cầu gần như đóng băng do vẫn chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008.

2. Tình hình tài chính

2.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản (lần)		
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,22	0,20
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,78	0,80
2	Cơ cấu nguồn vốn (lần)		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,08	0,17
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,92	0,83
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán nhanh	6,40	2,26
	Khả năng thanh toán hiện hành	0,86	0,97
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	-	-
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-	-
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	-	-

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 (book value) là : 9.870 đồng/cổ phần

2.2. Những thay đổi về vốn cổ đông

- Trong năm 2009 thực hiện tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009

2.3. Tổng số cổ phiếu của STONE VIET NAM (chốt lưu ký ngày 05/03/2010)

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng	Mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	100%	10.000	1:1
Tổng số cổ phiếu	4.000.000	100%		

2.4.Cổ tức/ lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

- Năm 2009, căn cứ vào kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : Không có

3. Công tác Quản trị Doanh nghiệp

** Về Công tác tổ chức – nhân sự*

- Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Doanh nghiệp, trong năm Công ty đã có những thay đổi về nhân sự góp phần kiện toàn bộ máy quản lý, tạo động lực thúc đẩy cho doanh nghiệp hoạt động tốt và hiệu quả.

- + Bổ nhiệm các Phó Giám đốc, cán bộ trẻ có năng lực vào những vị trí quản lý chủ chốt

- + Nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, thu nhập năm nay cao hơn năm trước, cải tiến chính sách tiền lương theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

- + Thực hiện động viên, khen thưởng kịp thời những CBCNV, tập thể có thành tích tốt trong lao động, sản xuất. Tạo động lực thi đua, phấn đấu đạt thành tích cao trong sản xuất của CBCNV.

- + Tuyển dụng thêm kỹ sư, cử nhân, công nhân có trình độ, đào tạo lại và đào tạo nâng cao, duy trì nguồn nhân lực ổn định, hiệu quả.

** Về Công tác Kế hoạch - Thị trường*

- Công tác thị trường trong giai đoạn này chiếm vị trí rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Xác định được mục tiêu như vậy, trong năm 2009 và kế hoạch năm 2010 Công tác thị trường đã được quan tâm và chú trọng.

- Trong năm 2009, công tác bán hàng đã có nhiều cố gắng, hoạt động bán hàng trong nước đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, mặc dù bán hàng xuất khẩu gián tiếp thông qua công ty mẹ không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế.

** Công tác tài chính - kế toán*

Trong năm 2009, công tác tài chính kế toán tiếp tục được kiện toàn, không để xảy ra hiện tượng vi phạm các nguyên tắc, quy định về quản lý tài chính gây thất thoát và lãng phí cho Công ty, cụ thể:

- **Công tác hạch toán và báo cáo tài chính:** Số liệu phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý, cụ thể: Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán với số liệu chính xác và không bị loại trừ.
- **Thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước :** Công ty thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định của pháp luật, cụ thể số thuế đã thực hiện của năm 2009 là : **199.792.260 đồng**

Trong đó:

+ Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	: 136.621.280 đồng
+ Thuế Nhập khẩu	: 22.296.321 đồng
+ Thuế thu nhập cá nhân	: 23.946.933 đồng
+ Các loại thuế khác	: 16.927.726 đồng

- Hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng, về cơ bản đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư

- Thực hiện công tác quản lý chi phí, thường xuyên cung cấp số liệu đầy đủ, chính xác giúp Ban lãnh đạo Công ty có giải pháp kịp thời, cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh .

** Công tác quản lý thiết bị, Công tác kỹ thuật:*

Việc đào tạo công nhân vận hành, sử dụng thiết bị được chú trọng ngoài ra công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ được lập kế hoạch chi tiết và thực hiện nghiêm túc đã góp phần bảo toàn và nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị.

Tiếp tục hoàn thiện công nghệ của riêng mình để tạo ra các sản phẩm đạt chất lượng quốc tế.

Việc quản lý chất lượng đầu vào, thành phẩm đầu ra, kiểm soát các quá trình sản xuất được thực hiện nghiêm túc đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu công nghệ, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng do khách hàng quy định và hiệu quả sản xuất.

4. Các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 và kế hoạch đặt ra năm 2010, để hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty. Ngoài ra, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Tăng cường công tác bán hàng trong nước, thực hiện tốt các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng

- Tiếp cận các nhà thầu, tư vấn thiết kế, chủ đầu tư của các Dự án lớn đang và sẽ triển khai thực hiện
- Quảng bá, giới thiệu, tư vấn về sản phẩm cho khách hàng
- Tuyển dụng, đào tạo nhân viên bán hàng giàu kinh nghiệm và có các chính sách đãi ngộ hợp lý
- Tìm kiếm khách hàng, chủ động được đầu ra sản phẩm xuất khẩu

Một số biện pháp cụ thể:

***Đối với hàng xuất khẩu:**

Kế hoạch trong năm 2010 doanh thu từ xuất khẩu đặt ra là 10,5 tỷ đồng, trung bình đạt khoảng 875 triệu/tháng.

Hiện tại, Công ty chưa chủ động được về đầu ra của sản phẩm đối với thị trường xuất khẩu mà chủ yếu vẫn thông qua việc gia công, chế tác sản phẩm cho Công ty mẹ là Công ty Vicostone. Do đó, để đạt được doanh thu kế hoạch của năm 2010, ngoài việc nỗ lực tìm kiếm thị trường đầu ra, triển khai sản xuất đáp ứng được tiến độ của các đơn hàng, thì vẫn rất cần có sự hỗ trợ đắc lực từ Công ty mẹ trong việc tìm kiếm khách hàng nước ngoài có nhu cầu mua sản phẩm chế tác.

*** Bán hàng trong nước**

Với mục tiêu đặt ra là 19,5 tỷ đồng từ doanh thu trong nước, trung bình đạt khoảng 1,63 tỷ đồng/tháng, chiếm 65% doanh thu bán hàng cả năm. Để đạt được mục tiêu đặt ra cần đẩy mạnh triển khai một số biện pháp sau:

- **Bán hàng dự án:** Đây là nhóm khách hàng có tiềm năng, mục tiêu số một, có tính chất quan trọng, là nhân tố chủ chốt trong kế hoạch kinh doanh của Công ty. Để sản phẩm thâm nhập được vào các dự án thì bộ phận Thị trường phải tiến hành lập hồ sơ, thu thập thông tin về các dự án đang đi vào giai đoạn hoàn thiện hoặc sắp triển khai để có thể tiếp cận được dự án; Đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm nhằm khẳng định thương hiệu cũng như chất lượng sản phẩm cạnh tranh so với các sản phẩm cùng loại; có các chính sách chiết khấu cho các dự án
- **Xây dựng và phát triển hệ thống đại lý:** Hiện tại Công ty có 04 đại lý và tập trung chủ yếu trên thị trường Hà Nội, mặc dù bước đầu đã mang lại hiệu quả. Song với kế hoạch Doanh thu năm 2010, tỷ trọng nghiêng về bán hàng trong nước thì như vậy là chưa đủ, chưa thể đáp ứng được yêu cầu đề ra. Kế hoạch phát triển hệ thống Đại lý trong năm 2010 được hướng tới các thị trường tiềm năng tại các Thành phố lớn như : Hà Nội, Thành phố Hồ

Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng. Áp dụng các chính sách thưởng Đại lý nhằm nâng cao năng suất bán hàng như: thưởng doanh số theo tháng, quý, năm hoặc các ngày lễ lớn của dân tộc,...nhằm khuyến khích các Đại lý hoạt động hiệu quả, vừa tăng doanh số, vừa quảng bá được sản phẩm đến người tiêu dùng,...

- **Triển khai các hoạt động quảng cáo:** Thông qua hình thức tham gia gia các triển lãm trong và ngoài nước, trên phương tiện thông tin đại chúng, thông qua Website, in Brochure,...nhằm đưa hình ảnh sản phẩm đến với người tiêu dùng một cách nhanh nhất

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2009 – Trang 29->53)

V.BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C) – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 40 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 7367879

Fax: 04 7367869

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn (A&C) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo Tài chính của Công ty các năm 2008 và 2009.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

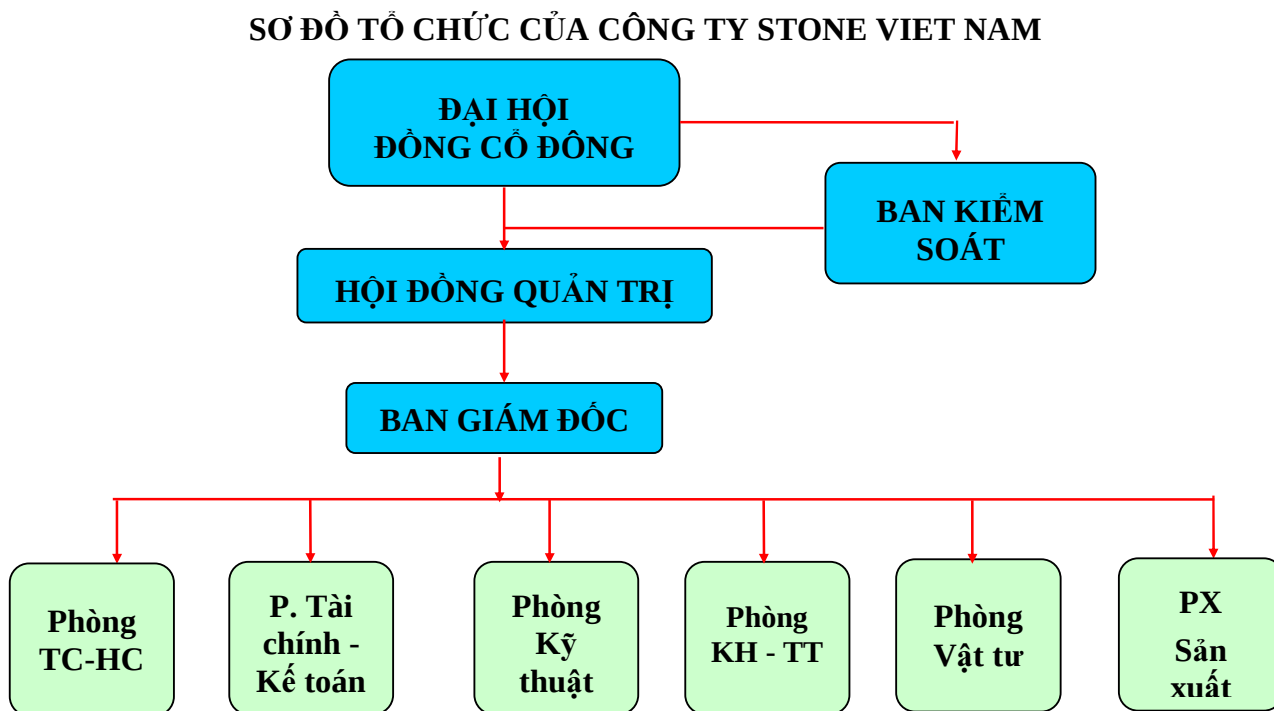
Tên tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ÓP LÁT CAO CẤP VINACONEX	
Tên giao dịch:	VINACONEX ADVANCED COMPOUND STONE JOINT STOCK COMPANY	
Tên viết tắt:	VICOSTONE	
Địa chỉ:	Km 28 đường cao tốc Láng – Hòa Lạc, Lô A2, Khu Công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	
Điện thoại:	04 3368 5827	Fax: 04 3368 6652
Vốn điều lệ:	150.000.000.000 đồng	
Tên chứng khoán:	Cổ phiếu Công ty cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex	
Mệnh giá:	10.000 đồng	
Mã chứng khoán:	VCS	
Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:	15.000.000 CP	
Lĩnh vực hoạt động chính:	Sản xuất, kinh doanh đá ốp lát nhân tạo cao cấp và các loại vật liệu xây dựng khác.	

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp do Stone Vietnam nắm giữ : Không

3. Công ty có vốn cổ phần/ vốn góp của Stone Vietnam : Không

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty



2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty Stone Vietnam gồm:

- Ông Lưu Công An: UVHĐQT Kiêm Giám đốc
- Ông Phùng Văn Toàn: UVHĐQT Kiêm Phó Giám đốc
- Ông Phạm Minh Hùng : UVHĐQT Kiêm Phó Giám đốc
- Ông Ninh Quốc Cường : Phó Giám đốc

Tóm tắt sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

2.1. Ông Lưu Công An

- Ngày, tháng, năm sinh: 15 tháng 07 năm 1965
- Số CMND: 090427784
- Ngày cấp: 06/09/2003
- Nơi cấp: CA tỉnh Thái Nguyên
- Quê quán: Nam Tân, Nam Trực, Nam Định
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: P.Thắng Lợi – TX Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại liên lạc: 0936 182 719
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh - trình độ B
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 1987 - 1989: Kỹ thuật viên tại Xưởng cơ khí công ty Diesel Sông Công
 - + 1989 - 2000: Thiết kế viên tại phòng thiết kế công ty Diesel Sông Công
 - + 2000 - 10/2004: Phó phòng thiết kế công ty Diesel Sông Công
 - + 11/2004: Trưởng phòng kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + 12/2004 - 4/2005: Quản đốc Phân xưởng Bretonstone CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + 5/2005 - 2/2007: Phó bí thư Chi bộ CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + 3/2007 – 10/2009: Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
 - + 10/2009 – Nay : Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 17.000 cổ phần

2.2. Ông Phùng Văn Toàn

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ngày, tháng, năm sinh: 04 tháng 02 năm 1962
- Số CMND: 090793656
- Ngày cấp: 21/10/1999 Nơi cấp: CA tỉnh Thái Nguyên
- Quê quán: Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0902 416 632
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ A
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 1985 - 1997: Kỹ thuật viên Công ty Diesel Sông Công

- + 1997 - 1998: Phó Phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công
 - + 1998 - 05/2005: Trưởng Phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công
 - + 05/2005 - 12/2007: Trưởng Phòng Kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
 - + 12/2007 – 04/2008 : Phó Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
 - + 04/2008 – 10/2009: Bí thư chi bộ, UV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
 - + 10/2009- Nay: Bí thư chi bộ, UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 10.500 cổ phần

2.3. Ông Phạm Minh Hùng

- Ngày, tháng, năm sinh: 09 tháng 08 năm 1970
- Số CMND: 012016143
- Ngày cấp: 05/03/2004 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
- Quê quán: Hương Ngải - Thạch Thất – Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 54 Hoa Bằng, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 228994
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử động hoá
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh: Thành thạo
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình công tác:
- + 02/1993 - 12/1995: Làm việc tại Tổng Công ty XNK XD Việt Nam
- + 01/1996 - 01/1997: Thực tập sinh – Kyoritsu Nhật Bản
- + 04/1997 - 02/1999: Làm việc tại Công ty CP XD Số 7 – Vinaconex
- + 02/1999 - 01/2004: Làm việc tại Trung tâm UDCN Tự động hoá và Truyền thông Vinaconex
- + 01/2004 - 06/2007: Làm việc tại Công ty CP Tự động hoá Truyền Thông Vinaconex.
- + 06/2007 – 07 /2007 : Làm việc tại Phòng Đầu Tư – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 07/2007 – 06/2008 : Phó trưởng Ban QLDA dự án đầu tư XD Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất thuộc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- + 06/2008 – 06/2009: Ủy viên HĐQT, Phụ trách phòng Kỹ thuật, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

+ 06/2009 – đến nay : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 200.000 cổ phần

2.4. Ông Ninh Quốc Cường

- Ngày, tháng, năm sinh: 02/06/1962
- Số CMND: 161427852
- Ngày cấp: 02/02/1982 Nơi cấp: CA Hà Nam
- Quê quán: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 01228264289
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Công nhân mộc
- Trình độ ngoại ngữ:
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 02/1983 - 05/1986: Là Bộ đội
 - + 03/1989 - 04/1990: Giáo viên trường CNKTXD Hà Nam Ninh
 - + 05/1990 - 02/1994: Làm việc tại Xưởng mộc Vinaconex
 - + 03/1994 - 08/1996: Lao động tại Libya
 - + 08/1997 - 02/1998: Làm việc tại Xưởng mộc Công ty VINATA
 - + 03/1998 - 02/2001: Lao động tại Nhật Bản
 - + 06/2001-10/2002 : Đội trưởng đội mộc Công ty Liên Doanh VINATA
 - + 11/2002 – 05/2003: Làm việc tại PXSX Công ty VINADECOR
 - + 06/2003 - 04/2008 : Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR
 - + 05/2008 – 09/2009 : Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “ĐTXD Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty STONE VIETNAM
 - + 10/2009 - Đến nay: Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc PXSX Công ty STONE VIETNAM
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: Không

3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm :

- Bổ nhiệm ông Lưu Công An là Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc theo quyết định số : 79 QĐ/VNSF-HĐQT ngày 18/10/2009 của HĐQT Công ty

- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc và giao cho Ông Phùng Văn Toàn chức vụ Phó Giám đốc theo quyết định số : 78 QĐ/SVN-HĐQT ngày 18/10/2009 của Hội đồng quản trị Công ty

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

- Được hưởng đầy đủ các khoản tiền lương, thưởng, tiền ăn ca theo chế độ
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm 2009 : **400.703.727 đồng**

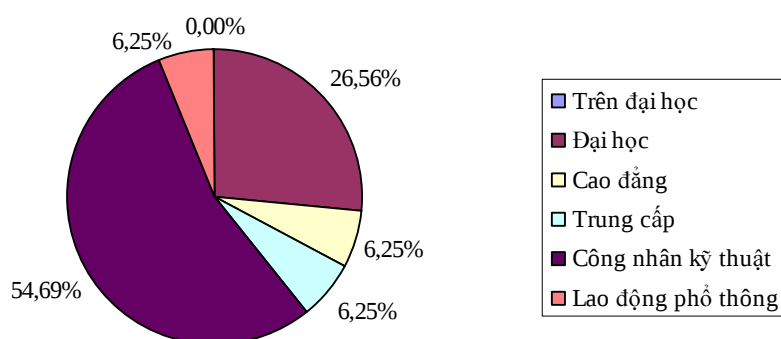
5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

5.1 Cơ cấu lao động

Tính đến ngày 28/02/2009 tổng số lao động của Công ty Stone Vietnam là : 64 người. Cơ cấu lao động được phân theo các tiêu chí sau:

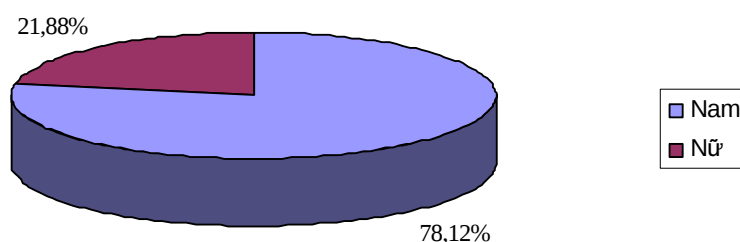
Cơ cấu lao động phân theo trình độ:

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	-	
2	Đại học	17	26.56
3	Cao đẳng	4	6.25
4	Trung cấp	4	6.25
5	Công nhân kỹ thuật	35	54.69
6	Lao động phổ thông	4	6.25
	Tổng cộng	64	100



*Cơ cấu lao động phân theo giới tính:

TT	Giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Nam	50	78.12
2	Nữ	14	21.88
	Tổng số	64	100



5.2. Chính sách đối với người lao động

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện tốt, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo cho toàn thể CBCNV 100% có việc làm và thu nhập, thu nhập năm sau cao hơn năm trước, bình quân năm 2009 là : **3.065.000đồng/người/tháng**
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như : Bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về Lao động, hợp đồng lao động, và thoả ước Lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động, trong năm 2009 tổng số tiền trích đóng BHXH, BHYT, BHTN là : **132.378.229 đồng**
- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty : các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao được tăng cường, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau...thể hiện tinh thần “ lá lành đùm lá rách” Công ty cũng đã tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV bị ốm đau, gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.
- Trong năm 2009 không có tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Bổ nhiệm ông Lưu Công An là Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc theo quyết định số : 79 QĐ/VNSF-HĐQT ngày 18/10/2009 của HĐQT Công ty
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc và giao cho Ông Phùng Văn Toàn chức vụ Phó Giám đốc theo quyết định số : 78 QĐ/SVN-HĐQT ngày 18/10/2009 của Hội đồng quản trị Công ty
- Bổ nhiệm Ông Phạm Minh Hùng giữ chức vụ Phó Giám đốc theo quyết định số : 15 QĐ/SVN-HĐQT ngày 01/06/2009 của Hội đồng quản trị Công ty
- Bổ nhiệm Ông Ninh Quốc Cường giữ chức vụ Phó Giám đốc theo quyết định số : 80 QĐ/SVN-HĐQT ngày 18/10/2009 của Hội đồng quản trị Công ty

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1. Hội đồng quản trị :

Hiện nay hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành. Danh sách như sau:

1. Ông Hồ Xuân Năng : Chủ tịch HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)
2. Ông Lưu Công An : Ủy viên HĐQT Kiêm Giám đốc
3. Ông Phùng Văn Toàn : Ủy viên HĐQT Kiêm Phó Giám đốc
4. Ông Phạm Trí Dũng : Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)
5. Ông Phạm Minh Hùng : Ủy viên HĐQT Kiêm Phó Giám đốc

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

1. Ông Hồ Xuân Năng

- Ngày, tháng, năm sinh: 04 tháng 11 năm 1964
 - Số CMND: 011501403
 - Ngày cấp: 21/10/1999
- Nơi cấp: CA TP. Hà Nội

- Quê quán: Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: A33, Hoàng Ngân, Khu đô thị Trung Hoà, Nhân Chính, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 238 927
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh: Thành thạo; Tiếng Nga: B
- Trình độ chính trị: Trung cấp
- Quá trình công tác:
 - + 12/1981 - 5/1986: Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
 - + 10/1986 - 3/1987: Ôn thi chuyển tiếp nghiên cứu sinh.
 - + 4/1987 - 12/1991: Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, bảo vệ luận án Tiến sỹ kỹ thuật tháng 1/1992.
 - + 2/1992 - 12/1996: Cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn).
 - + 12/1996 - 1/1999: Nghiên cứu viên (Viện cơ điện nông nghiệp), Giám đốc sản xuất Nhà máy ô tô FORD - Việt Nam - Hải Dương.
 - + 3/1996 - 3/1998: Học viên lớp MBA khóa 1, chuyên ngành quản trị kinh doanh, chương trình hợp tác với Đại học Boyse (Mỹ)
 - + 1/1999 - 1/2001: Thư ký Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Tổng công ty VINACONEX.
 - + 2/2001 - 6/2004: Phó Chánh văn phòng kiêm thư ký Chủ tịch HĐQT Tổng công ty VINACONEX.
 - + 7/2004 - 12/2004: Bí thư chi bộ - Giám đốc NM đá ốp lát cao cấp VINACONEX
 - + 1/2005 - 1/2007: Bí thư chi bộ - Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX.
 - + 1/2007 - 3/2007: Bí thư Đảng ủy - Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX.
 - + 3/2007 đến nay: Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đá ốp lát cao cấp VINACONEX, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Style Stone; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vico
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: Đại diện phần vốn của Công ty Vicostone, chiếm 51% vốn điều lệ (2.040.000 Cổ phần)

2. Ông Lưu Công An (Xem phần tóm tắt lý lịch của Ban điều hành)

3. Ông Phùng Văn Toàn (Xem phần tóm tắt lý lịch của Ban điều hành)

4. Ông Phạm Trí Dũng

- Ngày, tháng, năm sinh: 18 tháng 10 năm 1971
- Số CMND: 161914249

- 5. Ông Phạm Minh Hùng** (Xem phần tóm tắt lý lịch của Ban điều hành)

1. Ông Hồ Xuân Năng	:	Đại diện phần vốn của Công ty Vicostone gồm 2.040.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ
2. Ông Phùng Văn Toàn	:	10.500 cổ phần, chiếm 0.26 % vốn điều lệ
3. Ông Lưu Công An	:	17.000 cổ phần, chiếm 0.425 % vốn điều lệ
4. Ông Phạm Trí Dũng	:	8.100 cổ phần, chiếm 0.2 % vốn điều lệ
5. Ông Phạm Minh Hùng	:	200.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ

1. Ông Lương Xuân Mẫn : Trưởng ban Kiểm soát
2. Ông Trịnh Quốc Hùng : Thành viên Ban kiểm soát

3. Bà Nguyễn Phương Thuý : Thành viên Ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát

1. Ông Lương Xuân Mẫn

- Ngày, tháng, năm sinh: 20 tháng 07 năm 1963
- Số CMND: 011346554
- Ngày cấp: 04/10/1984 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
- Quê quán: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Nhà 504, CT5, ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0915 521 589
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh A
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 4/1987 - 4/1994: Kế toán viên Công ty thương nghiệp tổng hợp huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
 - + 5/1994 - 3/1997: Kế toán trưởng Công ty thương nghiệp tổng hợp huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
 - + 4/1997 - 9/2000: Kế toán viên Nhà máy bê tông và xây dựng Xuân Mai
 - + 9/2000 - 7/2002: Kế toán trưởng CTCP TNHH Bê tông và xây dựng An Xuân
 - + 7/2002 - 5/2005: Kế toán trưởng CTCP VINACONEX19, phường 11, thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.
 - + 6/2005 - 05/2009: Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
 - + 06/2009 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 29.000 cổ phần

2. Ông Trịnh Quốc Hùng

- Ngày, tháng, năm sinh: 27/04/1962
- Số CMND: 011505112
- Ngày cấp: 06/05/1987 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
- Quê quán: Minh Tân – Phú Xuyên – Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Số 2 - Thị trấn Quốc Oai - Huyện Quốc Oai – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0912257463
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Pháp, Tiếng Nga
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 1986 – 1990 : Kỹ sư động lực, Phó Phòng Kỹ Thuật Xí nghiệp Vật tư - Vận tải Công ty Than III – Đông Anh – Hà Nội
 - + 1991- 2001 : Phụ trách kinh doanh Hăng dầu Cantex tại khu vực TP Sơn Tây, Hà Tây
 - + 2001 – 2007 : Trưởng nhóm kinh doanh Công ty Bảo hiểm Prudential Việt Nam
 - + 2007 – T4/2008 : Chuyên viên Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + T4/2008 - Nay: Phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính, kiêm Chủ tịch Công đoàn ; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: Không

3. Bà Nguyễn Phương Thuý

- Ngày tháng năm sinh : 28/12/1981
- Số CMTND : 090724528
- Ngày cấp : 16/07/2003 Nơi cấp : CA Tỉnh Thái Nguyên
- Quê quán : Lý Nhân – Nam Hà
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ : Phường Gia Sàng – TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại liên lạc : 0989 869 681
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ : Tiếng Anh
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình Công tác :
 - + Từ T10/2005 –T12/2006 là Nhân viên thống kê PX.Bretonstone Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + Từ T1/2007 -> Nay : Là Nhân viên P.Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Không

Số cổ phần nắm giữ của Ban kiểm soát như sau:

1. Ông Lương Xuân Mẫn : 29.000 cổ phần , chiếm 0.725 % vốn điều lệ
2. Ông Trịnh Quốc Hùng : Không
3. Bà Nguyễn Phương Thuý : Không

Trong năm 2009, Ông Lưu Công An là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phần, chi tiết như sau :

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP trước chuyển nhượng	Số lượng CP Chuyển nhượng	Số lượng CP sau chuyển nhượng
1	Lưu Công An	5.000	12.000	17.000

Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ là cổ đông chiến lược, không có giao dịch bán ra của các cổ đông này.

Thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí trả cho thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát : Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2009, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.

2.Các số liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn**2.1. Cổ đông trong nước**

Cơ cấu cổ đông theo tư cách cổ đông sau tăng vốn đến ngày 05/03/2010 :

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	2.248.100	22.481.000.000	56.2
2	Cổ đông phổ thông	1.751.900	17.519.000.000	43.8
	Tổng	4.000.000	40.000.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	2.530.000	25.300.000.000	63.25
2	Cổ đông cá nhân	1.470.000	14.700.000.000	36.75
	Tổng	4.000.000	40.000.000.000	100

2.2 . Cổ đông nước ngoài : Không có

2.3 . Thông tin chi tiết về cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% vốn điều lệ)

Thực hiện phương án đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2009 thông qua , Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng

Cơ cấu cổ đông lớn sau khi thực hiện phương án tăng vốn năm 2009, chi tiết:

STT	Tên	Số ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số CP	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Số ĐKKD: 0303000293 cấp lần đầu ngày 02/06/2005 và sửa đổi lần 5 ngày 26/12 /2008 do Sở KH và ĐT TP Hà Nội cấp	KCN CNC, Khu CNC Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	2.040.000	20.400.000.000	51,00
2	Công ty CP Style Stone	Số GCN Đầu tư: 01203200245 cấp lần đầu ngày 17/10/2007 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 12/08/2009 do Ban QL các KCN và Chế xuất Hà Nội cấp	KCN CNC, Khu CNC Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	490.000	4.900.000.000	12,25
3	Ông Phạm Minh Hùng	Số CMTND: 012016143 cấp ngày 05/03/2004 tại Hà Nội	Tổ 15, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	200.000	2.000.000.000	5,00
	Tổng			2.730.000	27.300.000.000	68.25

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000640 ngày 13 tháng 2 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 05 lần được cấp các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung về việc tăng vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 1 năm 2010 là: 40.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn góp điều lệ:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	20.400.000.000	51,0%
Phạm Minh Hùng	2.000.000.000	5,0%
Phạm Trí Dũng	81.000.000	0,2%
Các cổ đông khác	17.519.000.000	43,8%
Cộng	40.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Thạch Thất - Hà Nội
Điện thoại : 0433 601 860
Fax : 0433 688 305
E-mail : stonevietnam@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 5 9 1 6

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng
- Sản xuất, mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ, đồ gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y);
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng; mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí: cầu lông, bóng bàn, bi-a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuyển giao công nghệ;
- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh Bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	22 tháng 01 năm 2007	
Ông Đào Duy Ninh	Thành viên	22 tháng 01 năm 2007	26 tháng 06 năm 2008
Ông Phạm Trí Dũng	Thành viên	22 tháng 01 năm 2007	
Ông Phùng Văn Toàn	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Phạm Minh Hùng	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Lưu Công An	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phùng Văn Toàn	Giám đốc	01 tháng 04 năm 2008	18 tháng 10 năm 2009
Ông Lưu Công An	Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Phùng Văn Toàn	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Phạm Minh Hùng	Phó Giám đốc	01 tháng 06 năm 2009	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng ban	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lưu Công An
Ngày 30 tháng 01 năm 2010

Số: 18/2010/BCTC-KTTV-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0300/KTV
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Kiểm toán viên

Lê Thùy Ánh Xuân
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0943/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.606.554.480	7.149.036.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.076.755.324	2.673.860.964
1. Tiền	111	V.1	1.076.755.324	2.673.860.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.500.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.019.188.398	2.166.537.272
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1.986.534.536	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	2.166.537.272
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	32.653.862	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.598.595.657	957.156.104
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.598.595.657	957.156.104
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		412.015.101	1.351.481.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	77.010.292	443.313.651
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		230.184.959	840.549.756
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	104.819.850	61.618.573

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.452.992.973	28.313.008.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.626.239.914	27.983.589.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.610.639.914	17.848.158.443
<i>Nguyên giá</i>	222		35.272.585.895	18.073.249.052
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.661.945.981)	(225.090.609)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.600.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		18.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.400.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	10.135.431.459
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.826.753.059	329.418.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.826.753.059	329.418.795
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.059.547.453	35.462.045.017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.588.129.632	5.887.929.942
I. Nợ ngắn hạn	310		1.252.211.432	2.745.012.565
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	667.405.200	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	451.636.284	1.783.606.123
3. Người mua trả tiền trước	313		-	337.239.264
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	13.033.998	11.546.225
5. Phải trả người lao động	315		115.843.437	87.115.862
6. Chi phí phải trả	316		-	455.891.666
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	4.292.513	69.613.425
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.335.918.200	3.142.917.377
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	2.335.918.200	3.142.917.377
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.471.417.821	29.574.115.075
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	39.471.417.821	29.574.115.075
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(82.769.528)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(445.812.651)	(425.884.925)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.059.547.453	35.462.045.017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2	2
Euro (EUR)		32	5.732,86
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2010



Lưu Công An

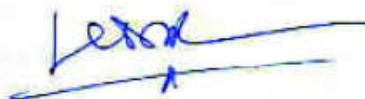
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.746.456.057	2.230.619.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.746.456.057	2.230.619.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	6.758.732.983	1.574.983.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.987.723.074	655.635.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	92.776.966	311.476.413
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	321.077.894	575.750.873
Trong đó: chi phí lãi vay	23		191.798.155	309.233.790
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	283.987.308	108.069.787
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.536.147.909	703.216.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(60.713.071)	(419.924.563)
11. Thu nhập khác	31		72.589.343	15.788.214
12. Chi phí khác	32		11.876.272	1.607.253
13. Lợi nhuận khác	40		60.713.071	14.180.961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	(405.743.602)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		19.927.726	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.927.726)	(405.743.602)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(6)	(215)

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2010



Lưu Công An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-	(405.743.602)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.441.307.661	222.489.682
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		82.510.502	154.165.607
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(263.133.644)
- Chi phí lãi vay	06		191.798.155	309.233.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.715.616.318	17.011.833
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		511.901.944	(2.141.915.626)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(641.439.553)	(957.156.104)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.745.495.827)	(699.201.669)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.131.030.905)	(762.832.446)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(191.798.155)	(840.030.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.927.726)	(3.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		503.826.096	(5.387.124.921)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.296.057.729)	(19.783.897.209)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)	(3.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.868.543.916
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	587.976.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.796.057.729)	(11.827.376.975)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	18.393.898.032
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		750.000.000	9.155.185.362
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.054.985.177)	(9.917.550.046)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.695.014.823	17.631.533.348
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.597.216.810)	417.031.452
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.673.860.964	2.259.686.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		111.170	(2.857.478)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.076.755.324	2.673.860.964

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2010



Lưu Công An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm:** Gia công, chế tác đá

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm khấu hao	Số năm khấu hao
	<u>năm 2009</u>	<u>năm 2008</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	11	6
Máy móc và thiết bị	8	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

9. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009:	17.941	VND/USD
	25.723,81	VND/EUR

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2009 công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ chế tác đá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	341.408.833	501.056.019
Tiền gửi ngân hàng	735.346.491	2.172.804.945
Cộng	1.076.755.324	2.673.860.964

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex vay ngắn hạn với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 03 tháng.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng vàng	278.357.876	-
Công ty TNHH Việt Hà	12.984.950	-
Công ty Cổ phần Vạn Điểm	7.063.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và nội thất TCT	104.115.465	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất nội thất KB	12.765.500	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Thiên Hưng	9.032.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại TTT	61.545.318	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	846.153.839	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Đại Quang	82.996.420	-
Công ty Cổ phần Nội thất Karador Việt nam	6.788.000	-
Công ty TNHH Falcon Việt Nam	46.450.000	-
Công ty TNHH Thu Anh	345.053.100	-
Công ty TNHH Dịch vụ 179	3.000.000	-
Hợp tác xã An Phú	35.691.160	-
Khách hàng lẻ	134.537.308	-
Cộng	1.986.534.536	-

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi của Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex cho khoản vay ngắn hạn	17.000.000	-
Phải thu tiền bảo hiểm thất nghiệp của CBCNV	9.653.862	-
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại	6.000.000	-
Cộng	32.653.862	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	205.113.056	28.367.246
Công cụ, dụng cụ	1.151.522.742	928.788.858
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241.959.859	-
Cộng	<u>1.598.595.657</u>	<u>957.156.104</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí CCDC xuất dùng	443.313.651	349.862.916	719.655.692	73.520.875
Chi phí sửa chữa xe ô tô	-	10.300.000	10.300.000	-
Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự	-	9.663.000	6.173.583	3.489.417
Chi phí quảng cáo	-	25.920.000	25.920.000	-
Cộng	<u>443.313.651</u>	<u>395.745.916</u>	<u>762.049.275</u>	<u>77.010.292</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là khoản tạm ứng của CBCNV	104.819.850	61.618.573

8. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.214.597.831	10.910.445.238	1.868.901.512	79.304.471	18.073.249.052
Tăng trong năm	16.390.135.905	971.655.407	-	24.692.350	17.386.483.662
+ Mua sắm mới	-	971.655.407	-	24.692.350	996.347.757
+ Đầu tư XD/CB hoàn thành	16.390.135.905	-	-	-	16.390.135.905
Giảm trong năm	164.253.681	22.893.138	-	-	187.146.819
Chuyển sang công cụ dụng cụ	164.253.681	-	-	-	164.253.681
Giảm khác	-	22.893.138	-	-	22.893.138
Số cuối năm	21.440.480.055	11.859.207.507	1.868.901.512	103.996.821	35.272.585.895
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	72.424.969	103.922.622	38.386.944	10.356.074	225.090.609
Tăng do khấu hao trong năm	1.803.709.515	1.365.993.229	247.033.596	22.171.321	3.438.907.661
Giảm trong năm	-	(2.052.289)	-	-	(2.052.289)
Số cuối năm	1.876.134.484	1.467.863.562	285.420.540	32.527.395	3.661.945.981
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.142.172.862	10.806.522.616	1.830.514.568	68.948.397	17.848.158.443
Số cuối năm	19.564.345.571	10.391.343.945	1.583.480.972	71.469.426	31.610.639.914

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.050.788.517 VND và 2.659.188.764 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Hà Tây.

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	18.000.000	2.400.000	15.600.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	18.000.000	2.400.000	15.600.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí thành lập doanh nghiệp	9.625.000	-	3.300.000	6.325.000
Chi phí Công cụ dụng cụ	319.793.795	603.634.570	306.471.279	616.957.086
Tiền thuê đất	-	1.520.000.000	381.583.333	1.138.416.667
Chi phí đồ đất trồng cây	-	66.913.000	1.858.694	65.054.306
Cộng	329.418.795	2.190.547.570	693.213.306	1.826.753.059

11. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Hà Tây.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	750.000.000	-	750.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả Chi nhánh ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Hà Tây	-	-	667.405.200	-	667.405.200
Cộng	-	750.000.000	667.405.200	750.000.000	667.405.200

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phần mềm quản lý doanh nghiệp	1.799.800	-
Bưu điện huyện Thạch Thất	-	1.539.400
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	169.605.866	1.714.604.847
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	177.450.700	-
Công ty Hữu hạn Shell Gas Hải Phòng	-	7.218.090
Công ty TNHH Thanh Hải Phát	24.088.300	5.888.850
DIALINE S.R.L	-	44.853.158
Nhà máy kính an toàn	-	3.723.500
TNT - Vietrans Express Worldwide (Việt Nam) Ltd	-	4.917.658

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm viễn thông và công nghệ thông tin	-	860.620
Chi nhánh Công ty TNHH Giao nhận Biển Đông	6.319.818	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	41.800.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Hà Nội	26.400.000	-
Trương Thị Lương	4.171.800	-
Cộng	451.636.284	1.783.606.123

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	136.621.280	136.621.280	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	31.509.344	22.296.321	9.213.023
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(6.000.000)	19.927.726	13.927.726	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.546.225	16.221.683	23.946.933	3.820.975
Cộng	5.546.225	204.280.033	196.792.260	13.033.998

(*): Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	(405.743.602)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(167.853.662)	154.165.607
- Các khoản điều chỉnh tăng	22.363.538	154.165.607
Chi phí khấu hao	22.363.538	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	154.165.607
- Các khoản điều chỉnh giảm	(190.217.200)	-
Chênh lệch tỷ giá đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2008 nhưng chưa khấu trừ thuế	(154.165.607)	-
Chi phí công cụ dụng cụ đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2008 chưa khấu trừ thuế năm	(36.051.593)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(167.853.662)	(251.577.995)
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	19.927.726	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.927.726	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.092.087	12.006.458
Bảo hiểm xã hội	1.200.426	57.606.967
Cộng	4.292.513	69.613.425

15. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 4/10/2007. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 26.400.000.000 đồng với mục đích là xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25 tháng 9 năm 2014.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	667.405.200
Trên 1 năm đến 5 năm	2.335.918.200
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	3.003.323.400

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.142.917.377
Tăng do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	165.391.200
Số tiền vay đã trả trong năm	(304.985.177)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(667.405.200)
Số cuối năm	2.335.918.200

16. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư đầu năm trước	11.284.000.000	(3.817.296)	(20.141.323)	11.260.041.381
Tăng vốn năm trước	18.716.000.000	-	-	18.716.000.000
+ Bằng tiền	18.393.898.032	-	-	18.393.898.032
+ Bằng tài sản	322.101.968	-	-	322.101.968
Chênh lệch tỷ giá giảm trong năm	-	3.817.296	-	3.817.296
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(405.743.602)	(405.743.602)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	-	(425.884.925)	29.574.115.075
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	(425.884.925)	29.574.115.075
Cổ đông góp vốn	10.000.000.000			10.000.000.000
Trong đó góp bằng tiền	10.000.000.000			10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay			(19.927.726)	(19.927.726)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm (*)		(82.769.528)		(82.769.528)
Số dư cuối năm	40.000.000.000	(82.769.528)	(445.812.651)	39.471.417.821

(*): Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm, trong đó:

- Chênh lệch do đánh giá lại các khoản tiền có gốc ngoại tệ thời hạn dưới 1 năm: 111.170 VND

- Chênh lệch do đánh giá lại vay dài hạn có gốc ngoại tệ: 82.658.358 VND

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Là doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ gia công chế tác đá	9.746.456.057	2.230.619.013

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Là giá vốn bán sản phẩm và dịch vụ gia công chế tác đá	6.758.732.983	1.574.983.081

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.898.185	301.507.502
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.878.781	8.770.336
Chiết khấu thanh toán	-	1.198.575
Cộng	<u>92.776.966</u>	<u>311.476.413</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	191.798.155	309.233.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.769.237	112.351.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.510.502	154.165.607
Cộng	<u>321.077.894</u>	<u>575.750.873</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	125.832.391	106.829.787
Chi phí vật liệu, bao bì	1.616.391	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	62.242.355	240.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.288.867	-
Chi phí bằng tiền khác	35.007.304	1.000.000
Cộng	<u>283.987.308</u>	<u>108.069.787</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.047.323.655	331.519.727
Chi phí vật liệu quản lý	12.171.719	26.707.183
Chi phí đồ dùng văn phòng	178.893.733	24.227.472
Chi phí khấu hao TSCĐ	549.729.632	39.070.614
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.379.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.603.658	76.598.477
Chi phí bằng tiền khác	330.425.512	201.713.775
Cộng	<u>2.536.147.909</u>	<u>703.216.248</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(19.927.726)</u>	<u>(405.743.602)</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(19.927.726)	(405.743.602)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	3.088.164	1.890.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(6)</u>	<u>(215)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.000.000	1.128.400
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	<u>88.164</u>	<u>761.910</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.088.164</u>	<u>1.890.310</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	400.703.727	196.795.578

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua đá ốp lát	1.426.109.318	186.484.649
Thuế GTGT mua đá ốp lát	142.610.932	18.648.465
Mua vật tư, thiết bị	852.812	128.892.347
Thuế GTGT mua vật tư thiết bị	85.281	7.890.660
Vay vốn lưu động	750.000.000	-
Lãi tiền vay phải trả	20.979.200	58.104.000
Trả triển vay vốn lưu động	750.000.000	-
Cho vay vốn lưu động	4.500.000.000	-
Lãi cho vay vốn phải thu	17.000.000	217.689.200
Doanh thu dịch vụ gia công chế tác đá	5.405.238.138	2.186.630.732
Thuế GTGT dịch vụ gia công chế tác đá	540.523.701	218.663.073
Thu nhập từ bán vật tư	13.504.590	-
Thuế GTGT bán vật tư	1.350.459	-
Thu nhập từ dịch vụ nhân công	61.148.182	-
Thuế GTGT dịch vụ nhân công	6.114.818	-
Phải thu tiền thuê gian hàng hội chợ triển lãm	16.636.364	-
Thuế GTGT thuê gian hàng hội chợ triển lãm	1.663.636	-
Thu tiền dịch vụ đã cung cấp	2.100.000.000	-
Bù trừ công nợ	2.762.786.785	-
Nhận góp vốn	5.100.000.000	15.300.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền dịch vụ gia công chế tác đá	846.153.839	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	17.000.000	-
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn	4.500.000.000	-
Cộng nợ phải thu	5.363.153.839	-
Tiền thuê đất phải trả	-	315.308.333
Tiền chế tác đá thành phẩm ứng trước	-	337.239.264
Cộng nợ phải trả	-	652.547.597

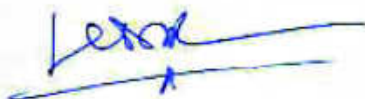
2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.10). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 82.769.528 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao nhà cửa vật kiến trúc từ 6 năm lên 11 năm, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải từ 6 năm lên 8 năm vì thực tế sử dụng cho thấy thời gian khấu hao năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao làm cho chi phí khấu hao năm nay giảm 2.096.303.760 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao năm trước.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010



Lưu Công An